

TA10. U2. Humans and the environment. Vocabulary 4

Environment & Green Living

1. green living /gri:n 'li:v.ɪŋ/ (n.phr): sống xanh
2. eco-friendly /i:kəʊ'frend.li/ (adj): thân thiện với môi trường
3. carbon footprint /'kɑ:.bən 'fʊt.prɪnt/ (n.phr): dấu chân carbon
4. environmental protection /ɪn'vaɪ.rən'men.təl prə'tek.fən/ (n.phr): bảo vệ môi trường
5. sustainable /sə'steɪ.nə.bəl/ (adj): bền vững
6. climate change /'klaɪ.mət tʃeɪndʒ/ (n.phr): biến đổi khí hậu
7. emissions /ɪ'mɪʃ.ənz/ (n): khí thải
8. global temperatures /'gləʊ.bəl 'tem.pər.ə.tʃəz/ (n.phr): nhiệt độ toàn cầu
9. natural and organic /'nætʃ.ər.əl ənd ɔ:'gæn.ɪk/ (adj): tự nhiên và hữu cơ
10. chemical /'kem.ɪ.kəl/ (n): chất hóa học
11. waste collection /weɪst kə'lek.fən/ (n.phr): thu gom chất thải
12. throw away /θrəʊ ə'weɪ/ (phr.v): vứt bỏ
13. cut down /kʌt daʊn/ (phr.v): cắt giảm
14. break down /breɪk daʊn/ (phr.v): phân hủy
15. recycle /,ri:'saɪ.kl/ (v): tái chế
16. refillable /,ri:'fɪl.ə.bəl/ (adj): có thể đổ đầy
17. reduce /rɪ'dju:s/ (v): giảm
18. prevent /prɪ'vent/ (v): ngăn ngừa
19. plant /plɑ:nt/ (v): trồng
20. water /'wɔ:.tər/ (v): tưới nước
21. shade /ʃeɪd/ (n): bóng râm
22. wind energy /wɪnd 'en.ə.dʒi/ (n.phr): năng lượng gió
23. electrical appliance /ɪ'lek.trɪ.kəl ə'plaɪ.əns/ (n.phr): thiết bị điện
24. household appliances /'haʊs.həʊld ə'plaɪ.ənsɪz/ (n.phr): đồ gia dụng
25. litter /'lɪt.ər/ (v): vứt rác
26. harm /hɑ:m/ (v): gây hại
27. safe for /seɪf fɔ:r/ (adj.phr): an toàn cho
28. destroy /dɪ'strɔɪ/ (v): hủy hoại
29. public transport /'pʌb.lɪk 'træn.spɔ:t/ (n.phr): phương tiện công cộng
30. impact /'ɪm.pækt/ (n): tác động
31. make a plan /meɪk ə plæn/ (v.phr): lập kế hoạch
32. raw material /rɔ: mə'tɪə.ri.əl/ (n.phr): nguyên liệu thô
33. Go Green /gəʊ gri:n/: sống xanh

Technology, Transport & Energy

34. device /dɪ'vaɪs/ (n): thiết bị
35. driving machine /'draɪ.vɪŋ mə'ʃi:n/ (n): máy lái xe
36. driving test /'draɪ.vɪŋ test/ (n.phr): kiểm tra lái xe
37. electrical appliance /ɪ'lek.trɪ.kəl ə'plaɪ.əns/ (n.phr): thiết bị điện

Daily Habits & Personal Actions

38. turn off /tɜ:n ɒf/ (phr.v): tắt
39. be reminded to do something /bi ri'maɪn.dɪd tu: du: 'sʌm.θɪŋ/ (v.phr): được nhắc làm gì
40. revise for /rɪ'vaɪz fɔ:r/ (phr.v): ôn tập
41. make a decision /meɪk ðə dɪ'sɪʒ.ən/ (v.phr): đưa ra quyết định
42. heat /hi:t/ (v): làm nóng
43. collect information /kə'lekt ɪn.fə'meɪ.fən/ (v.phr): thu thập thông tin
44. adopt /ə'dɒpt/ (v): áp dụng
45. lifestyle /'laɪf.staɪl/ (n): lối sống
46. modern household /'mɒd.ən 'haʊs.həʊld/ (n.phr): hộ gia đình hiện đại

School, Learning & Activities

47. planned event /plænd ɪ'vent/ (n.phr): sự kiện đã được lên kế hoạch
48. achieve /ə'tʃi:v/ (v): đạt được
49. raise /reɪz/ (v): nâng cao
50. suggestion /sə'dʒes.tʃən/ (n): đề xuất
51. announcement /ə'naʊns.mənt/ (n): thông báo
52. professor /prə'fes.ər/ (n): giáo sư
53. presentation /,prez.ən'teɪ.fən/ (n): bài thuyết trình

Other

54. encourage /ɪn'kʌr.ɪdʒ/ (v): khuyến khích
55. attract /ə'trækt/ (v): thu hút
56. clean up /kli:n ʌp/ (phr.v): dọn dẹp
57. pick up /pɪk ʌp/ (phr.v): nhặt lên
58. plot /plɒt/ (n): cốt truyện
59. playground /'pleɪ.graʊnd/ (n): sân chơi
60. thunder /'θʌn.dər/ (n): tiếng sấm

Exercise 1: Choose the correct option (A, B, C, or D) to complete the sentence.

1. One way to reduce your _____ is by using public transport instead of driving.
A. litter B. waste collection C. carbon footprint D. climate change
2. These bags are 100% _____ and can be reused many times.
A. refillable B. eco-friendly C. electrical D. chemical
3. _____ is becoming more severe due to increasing emissions.
A. Planting trees B. Climate change C. Waste collection D. Recycle
4. Farmers prefer _____ products because they are safer for consumers.
A. natural and organic B. chemical C. electrical D. raw materials
5. My family is trying to live a _____ lifestyle by recycling and saving energy.
A. public B. modern C. green D. harmful
6. Factories must reduce _____ to protect the environment.
A. appliances B. emissions C. plots D. lifestyles
7. It's important to _____ lights and devices when not in use.
A. turn off B. pick up C. plant D. adopt
8. Using solar or _____ is a good alternative to fossil fuels.
A. waste collection B. global temperatures C. wind energy D. refillable bottles
9. Buying _____ bottles helps reduce plastic waste.
A. green B. refillable C. chemical D. plotted
10. Young people are encouraged to _____ trees as part of reforestation efforts.
A. raise B. heat C. plant D. throw
11. These cleaning products are not _____ for babies.
A. eco-friendly B. sustainable C. safe for D. reduce
12. The team organized a _____ event to raise awareness about climate change.
A. throw away B. planned C. raw D. wind-powered
13. _____ helps us avoid using too many raw materials.
A. Destroying B. Recycling C. Harming D. Littering
14. We need to act fast to _____ the worst effects of climate change.
A. prevent B. attract C. encourage D. revise
15. You should never _____ trash in public places.
A. litter B. recycle C. refill D. water

Exercise 3: Use the words in the word bank to complete each sentence. There are more words than needed.

Word Bank: climate change emissions turn off plant waste collection carbon footprint recycle green living eco-friendly refillable litter safe for prevent public transport destroy

1. Many people are switching to _____ to reduce air pollution in cities.
2. We must act now to slow down _____.
3. Always _____ your computer when not in use to save energy.

4. Instead of throwing away plastic, you should _____ it.
5. The school organized a _____ event to keep the area clean.
6. This water bottle is _____, so you don't need to buy a new one every day.
7. My grandmother uses only _____ cleaning products.
8. They started _____ trees in the backyard last spring.
9. Factories are the main sources of harmful _____.
10. Adopting a _____ lifestyle means using less plastic and more reusable items.
11. These paints are not _____ children.
12. You can help _____ deforestation by using less paper.
13. Driving less helps reduce your _____.
14. You should never _____ in a park.
15. Fires can quickly _____ wildlife habitats.